TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 805/2024/DS-PT
Ngày 23 – 9 – 2024
V/v Tranh chấp đòi lại
tài sản là quyền sử dụng đất,

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Vi Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công Kh vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 458/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về vụ án "Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2853/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Trần Thị Huế H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Số nhà 13, Tổ 14, ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang, *(vắng mặt)*.

2. Ông Võ Văn Kh, sinh năm 1934, (chết ngày 10/12/2020);

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Kh:

2.1. Bà Trần Thị Huế H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Số nhà 13, Tổ 14, ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang, *(vắng mặt);*

2.2. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang, *(vắng mặt);*

2.3. Ông Võ Văn Đ2, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang, *(vắng mặt);*

2.4. Bà Võ Thị Nh, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: APT BLK 457 J.W STREET 41#06-762 S. 640457, *(vắng mặt);*

2.5. Bà Võ Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang, *(vắng mặt);*

2.6. Ông Võ Văn Đ2, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 406, ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang, *(có mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của Đ, Đ1, Nh, T, Đ2: Ông Lê Hữu Ng, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp Trung 2, xã TT, huyện PT, tỉnh An Giang, *(có mặt)*.

- *Bị đơn*: Ông Võ Thanh T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 14, ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang, *(có mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Thu Ng1, sinh năm 1982, *(vắng mặt);*

2. Bà Võ Thị TL, sinh năm 2001, *(vắng mặt);*

3. Trẻ Võ Nhật Kh1, sinh ngày 07/4/2017, người đại diện hợp pháp: Ông Võ Thanh T1, sinh năm 1977 (cha của Võ Nhật Kh1), *(có mặt);*

Cùng cư trú: Tổ 14, ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang.

4. Ông Võ NL, sinh năm 1999, (chết 2020);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NL:

4.1. Ông Võ Thanh T1, sinh năm 1977 (cha anh Võ NL); nơi cư trú: Tổ 14, ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang, *(có mặt);*

4.2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977 (mẹ anh Võ NL); nơi cư trú: Số 418, Tổ 06, khóm LT B, phường LT, thị xã TC, tỉnh An Giang; *(vắng mặt)*.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Võ Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Thị Huế H và người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơn ông Võ Văn Kh là ông Lê Hữu Ng trình bày*:

Ông Võ Văn Kh và bà Trần Thị Huế H được thừa hưởng của cha ruột ông Kh để lại diện tích đất 3.112,10m² thuộc thửa 34, tờ bản đồ 10, thuộc ấp PH, thị trấn CV, huyện PT. Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện PT cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0141aC ngày 28/3/2005 cho ông Võ Văn Kh đứng tên.

Năm 2016, ông Kh và bà H có cho cháu ruột là ông Võ Thanh T1 cùng vợ, con ông T1 ở nhờ trong các trại mà trước đó gia đình vợ chồng ông Kh sử dụng chứa thức ăn chăn nuôi cá, có diện tích ngang 2,5m, dài 3m. Việc cho ở nhờ, ông Kh và bà H không làm giấy tờ mà chỉ nói miệng là khi nào gia đình ông Kh cần sử dụng thì ông T1 trả lại. Sau đó, ông T1 tự ý cất thêm khoảng 3m² có kết cấu nhà sàn, mái thiếc, vách ván; thấy vậy ông Kh và bà H có hỏi thì ông T1 nói là cất thêm để ở cho rộng, khi nào ông Kh, bà H cần thì ông T1 sẽ tháo dỡ phần làm thêm này và trả lại cái trại cho ông Kh và bà H, nhưng đến khi gia đình ông Kh, bà H cần và yêu cầu ông T1 trả lại thì ông T1 lại không chịu di dời.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ Thanh T1, bà Phạm Thị Thu Ng1 và con ông T1 là Võ Nhật Kh1, Võ Thị TL phải tháo dỡ nhà ở, nhà vệ sinh và cái trại để trả lại diện tích 71,8m², hiện nay trên phần đất tranh chấp không có gì thay đổi so với kết quả xem xét thẩm định của Tòa án ngày 23/12/2022. Nguyên đơn thống nhất với kết quả xem xét thẩm định và kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 23/12/2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Võ Thanh T1 tháo dỡ, di dời trả lại diện tích đất theo đơn khởi kiện ban đầu và khởi kiện bổ sung; sau khi đo đạc thực tế 71,8m^2 đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0141aC, bản đồ 10, thửa số 34 do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 28/3/2005 cho ông Võ Văn Kh; nguyên đơn xác định từ khi vụ án bị hủy đến nay hiện trạng vẫn không thay đổi, không phát sinh mới.

- *Bị đơn ông Võ Thanh T1 trình bày*:

Ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì diện tích đất này là của ông nội (tên là Võ Văn T2, mất năm 2000) để lại, nên ông không đồng ý trả lại; khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Kh, gia đình ông T1 không được cơ quan có thẩm quyền thông báo; ông Kh cũng không cho gia đình ông T1 biết. Hiện nay, trong nhà ông T1 có ông T1 cùng vợ là Thu Ng1 và con là Võ Nhật Kh1 sinh sống. Nguyễn Thị Th là vợ trước, ông T1 và bà Th đã ly hôn, không còn chung sống. TL là con của ông T1 và bà Th. Hiện nay, TL đã có gia đình và chuyển hộ khẩu về gia đình chồng ở SĐ, tỉnh Đồng Tháp, Võ NL đã chết vào ngày 06/12/2020. Ngoài ra, không còn ai sinh sống trong căn nhà đang tranh chấp.

Ông T1 bắt đầu sinh sống trên căn nhà và đất tranh chấp vào năm 2011. Ông không có chỗ ở khác, nên xin ông Kh (ông T1 gọi là Bác Ba) ở nhờ. Căn nhà đang tranh chấp trước đây là trại để nuôi cá của Bác Ba, khi ông T1 xin ở

nhờ có nói ông Kh; ông T1 xin trả lại giá trị của trại cá nhưng ông Kh không đồng ý lấy tiền; ông T1 sinh sống trên căn nhà đó đến nay; hiện nay hiện trạng không thay đổi, ông thống nhất theo các biên bản trước đây.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Võ Thanh T1 không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, lý do đất của ông nội Võ Văn T2 cho ông T1 sử dụng và xác định hiện nay không còn ở trên đất, do căn nhà sắp sập; từ khi vụ án bị hủy đến nay hiện trạng vẫn không thay đổi, không phát sinh mới.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc ông Võ Thanh T1, bà Phạm Thị Thu Ng1, Võ Thị TL và Võ Nhật Kh1 phải tháo dỡ di dời căn nhà gỗ để trả lại diện tích 33,2m^2 tại các điểm 4, 5, 6, 7, 9, 20, 10, 19 và nhà vệ sinh diện tích 2,2m^2 tại các điểm 11, 12, 13, 21 theo bản vẽ ngày 11/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh PT; nằm trong diện tích 71,8m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0141aC, có diện tích 3.112,10m^2, thửa 34, bản đồ 10, đất thuộc ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, cấp ngày 28/3/2005 do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp cho ông Võ Văn Kh; cho bà Trần Thị Huế H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Văn Kh (gồm Trần Thị Huế H, Võ Thị Đ, Võ Văn Đ2, Võ Thị Nh, Võ Thị T và Võ Văn Đ2);

(Bản vẽ ngày 11/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh PT là một phần không thể tách rời bản án này).

+ Thời gian lưu cư của ông Võ Thanh T1, bà Phạm Thị Thu Ng1, Võ Thị TL và Võ Nhật Kh1 là 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá và đo đạc, quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/4/2024, bị đơn ông Võ Thanh T1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Võ Thanh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật; các đương sự và người đại diện hợp pháp

của đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh T1;

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Võ Thanh T1 kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh T1 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, có các đương sự vắng mặt nhưng không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy;*

[2.1] Tại Biên bản hòa giải ngày 26/11/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn CV và Biên bản hòa giải ngày 24/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện PT, ông Võ Thanh T1 có ý kiến như sau: "*Ông T1 xin ở đậu trên cái trại của ông Kh vào năm 2014, không có làm giấy tờ; diện tích trại ngang 2,5 dài 4m; sau đó cất thêm ra,... ông T1 hứa là sẽ di dời, nhưng không hứa năm nào, khi nào ông T1 làm ăn có tiền mới di dời và hiện nay ông T1 không có nơi ở nào khác,..*";

[2.2] Hồ sơ vụ án thể hiện, toàn bộ tài sản nêu trên nằm trên diện tích đất 71,8m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0141aC ngày 28/3/2005 của Ủy ban nhân dân huyện PT cấp cho ông Võ Văn Kh đứng tên, có diện tích 3.112,10m^2, thửa 34, bản đồ 10, đất thuộc ấp PH, thị trấn CV, huyện PT. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng, toàn bộ diện tích 3.112,10m^2, thửa 34, bản đồ 10, đất thuộc ấp PH, thị trấn CV, huyện PT là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Kh, bà H được thừa hưởng của cha ruột ông

Kh để lại; bị đơn ông Võ Thanh T1 cũng thừa nhận việc ông Kh và bà H cho ở nhờ trên đất. Tuy nhiên, ông T1 lại cho rằng nguồn gốc đất là của ông nội (đồng thời là cha ruột ông Kh tên là Võ Văn T2) cho ở nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông T1 không đưa ra được chứng cứ, chứng minh; thực tế là trên đất này đã có hầm cá và cái trại tạm của gia đình ông Kh dùng để chứa thức ăn chăn nuôi cá rồi sau đó gia đình ông Kh cho ông T1 ở đậu trên đất và ông T1 mới cất ra thêm.

[2.3] Thêm nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Thanh T1 cũng không có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp và cũng không có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Kh đối với diện tích đất tranh chấp.

[2.4] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ nên trên có đủ cơ sở xác định, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Thanh T1, cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Thu Ng1, Võ Thị TL, Võ Nhật Kh1 phải tháo dỡ, di dời nhà, vật kiến trúc có diện tích đất 71,8m^2 tại các điểm 3, 8, 14, 15 theo bản vẽ ngày 11/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT, để trả lại cho bà Trần Thị Huế H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Văn Kh, là có căn cứ. Ông Võ Thanh T1 kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự kháng cáo ông Võ Thanh T1 phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1- Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thanh T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/DS-ST ngày 03/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 105, 107, 115 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 202, 203, Bộ luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu "Đòi tài sản là quyền sử dụng đất".

1.1. Buộc ông Võ Thanh T1, bà Phạm Thị Thu Ng1 cùng các đương sự Võ Thị TL và Võ Nhật Kh1 phải tháo dỡ di dời căn nhà gỗ để trả lại diện tích 33,2m^2 tại các điểm 4, 5, 6, 7, 9, 20, 10, 19 và nhà vệ sinh diện tích 2,2m^2 tại các điểm 11, 12, 13, 21 theo bản vẽ ngày 11/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh PT; nằm trong diện tích 71,8m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0141aC, có diện tích 3.112,10m^2, thửa 34, bản đồ 10, đất thuộc ấp PH, thị trấn CV, huyện PT, cấp ngày 28/3/2005 do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp cho ông Võ Văn Kh; cho bà Trần Thị Huế H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Văn Kh (gồm các ông, bà Trần Thị Huế H, Võ Thị Đ, Võ Văn Đ2, Võ Thị Nh, Võ Thị T và Võ Văn Đ2).

(Bản vẽ ngày 11/5/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh PT là một phần không thể tách rời bản án này);

Thời gian lưu cư của ông Võ Thanh T1, bà Phạm Thị Thu Ng1, cùng các đương sự Võ Thị TL và Võ Nhật Kh1 là 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Chi phí thẩm định, định giá và đo đạc: Ông Võ Thanh T1 có trách nhiệm hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Văn Kh gồm: Trần Thị Huế H, Võ Thị Đ, Võ Văn Đ2, Võ Thị Nh, Võ Thị T và Võ Văn Đ2 số tiền là: 5.269.800đ *(năm triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm đồng).*

1.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Thanh T1 phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2- Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự kháng cáo ông Võ Thanh T1 phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án

phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0000262 ngày 16/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; ông T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 23 tháng 9 năm 2024./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh An Giang;
– VKSND tỉnh An Giang;
– Cục THADS An Giang;
– Các đương sự;
– Lưu: HS, VP, NTHN (23b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh